SAO Y; SỞ Y TẾ; 24/10/2026; 11:06:39 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ

Đến tháng 10 năm 2026

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Nhi Hải Phòng

2. Địa chỉ: Phố Việt Đức, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng

3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 24 giờ/24 giờ; 7 ngày/tuần

4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ban giám đốc						
001	Bùi Văn Chiến	003816/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Chủ tịch Hội đồng quản lý		Hành nghề tại khoa Ngoại tổng hợp
002	Trần Minh Cảnh	001802/HP-CCHN 773/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Quyền Giám đốc; Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật		Hành nghề tại khoa Ngoại tổng hợp
003	Trần Thị Ngọc Hòa	000354/HP-CCHN 387/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; KB, CB CK Ung thư	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó giám đốc; Phụ trách khoa Nội tổng hợp		Hành nghề tại khoa Nội tổng hợp
	Khoa Hô hấp - Mã khoa K18.2						
004	Hoàng Ngọc Anh	000234/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
005	Nguyễn Khánh Ly	012303/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
006	Nguyễn Văn Dũng	013186/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
007	Phạm Văn Thanh	008267/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
008	Vũ Thị Hương	000302/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
009	Phạm Thị Ngọc Ánh	000306/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
010	Đỗ Thị Thanh Huyền	009417/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
011	Lưu Thị Thanh Loan	003252/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
012	Tạ Thị Hồng Loan	005070/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
013	Nguyễn Thị Hương Giang	005075/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
014	Nguyễn Thị Thắm	009427/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
015	Trần Thị Thu Thủy	006749/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
016	Đào Thị Lệ Chi	008542/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
017	Nguyễn Thị Thu Hưng	000904/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
018	Hoàng Minh Châu	000917/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
019	Trương Mạnh Quyền	001787/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Tim mạch - Lồng ngực - Mã khoa K18.5						
020	Dương Văn Đoàn	001048/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
021	Đỗ Thị Ngọc Mai	010968/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
022	Nguyễn Thị Thủy	012300/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
023	Phạm Đức Kiên	012768/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
024	Hàn Ngọc Tùng	012952/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
025	Nguyễn Thu Phương	000827/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
026	Quản Thị Xuân	000822/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
027	Nguyễn Thị Hạnh	003763/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
028	Nguyễn Thị Thơm	004387/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
029	Phạm Thị Lan Anh	006747/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
030	Phùng Thị Minh	005082/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
031	Đồng Thị Hằng	008305/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
032	Bùi Thị Hương	005053/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
033	Nguyễn Thị Ánh	009430/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
034	Nguyễn Thị Hương	009431/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
035	Vũ Thị Trang	009435/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
036	Hoàng Thị Ngọc Bích	009416/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
037	Đinh Thị Tính	001287/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
038	Nguyễn Thùy Linh	002040/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Ngoại Chấn thương - Mã khoa K18.7						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
039	Đặng Quốc Hùng	005055/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
040	Vương Hữu Trung	000148/HP-CCHN 1270/QĐ-SYT	Phòng khám CK RHM; KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
041	Nguyễn Quang Hiếu	005520/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
042	Đỗ Văn Cường	010464/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
043	Vũ Quốc Hiệu	012734/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
044	Nguyễn Văn Quang	000882/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
045	Đặng Thị Nguyệt	002635/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
046	Phạm Thị Minh Ngọc	002673/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
047	Phan Thị Ngọc	003484/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
048	Nguyễn Quốc Dương	005049/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
049	Bùi Thị Thảo	007260/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
050	Trần Thị Huệ	005059/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
051	Quách Thị Kiều Oanh	005048/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
052	Nguyễn Thị Phượng	008307/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
053	Đặng Thị Chang	008298/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
054	Trịnh Thị Phương Chi	008258/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
055	Đinh Văn Đạt	009432/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
056	Nguyễn Thị Thanh Trà	009463/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
057	Nguyễn Văn Mạnh	009461/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
058	Đào Thị Huyền	008296/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Ngoại Tổng hợp - Mã khoa K18.6						
059	Nguyễn Mạnh Toàn	003277/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
060	Nguyễn Minh Hải	008261/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
061	Nguyễn Quốc Khánh	008568/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
062	Bùi Quốc Vượng	010463/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
063	Nguyễn Minh Tiến	013256/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
064	Phan Thị Lan	000884/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
065	Hà Văn Trường	002636/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
066	Quàng Văn Diện	002640/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
067	Phạm Thị Thu Hà	003263/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
068	Trần Thị Thu Hiền	003264/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
069	Trần Thị Huyền Trang	003262/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
070	Vũ Thị Thái Hà	009467/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
071	Lê Thị Hiền	009465/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
072	Trần Tuấn Anh	006732/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
073	Lê Thị Thu Hường	005054/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
074	Nguyễn Thị Ngoan	008271/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
075	Trần Đức Quyết	012313/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
076	Trần Thị Nhung	005516/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
077	Lưu Thị Thùy Dương	007182/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
078	Đỗ Thị Thúy	002778/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Tai - Mũi - Họng - Mã khoa K18.9						
079	Nguyễn Mạnh Tùng	003625/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
080	Nguyễn Xuân Thủy	001530/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
081	Trần Thị Liệu	010302/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
082	Nguyễn Quang Trường	010335/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
083	Ngô Văn Quân	010917/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi; CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
084	Phạm Thị Nhung	000482/HP-GPHN; 3765/QĐ-SYT	Chuyên khoa Ngoại khoa; Chuyên khoa Tai Mũi Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
085	Nguyễn Thùy Trang	000301/HP-GPHN; 3761/QĐ-SYT	Chuyên khoa Ngoại khoa; Chuyên khoa Tai Mũi Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
086	Đặng Việt Linh	011169/HP-CCHN; 3763/QĐ-SYT	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường, xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng; Chuyên khoa Tai Mũi Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
087	Đặng Thúy Hằng	001448/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
088	Đỗ Thị Trang	006731/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
089	Hoàng Thị Khánh	002628/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
090	Bùi Công Sơn	009433/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
091	Đặng Thị Điệu	005031/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
092	Lê Thị Thu Hà	008289/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
093	Nguyễn Thị Hiệp	008297/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
094	Nguyễn Thị Ngân	000859/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
095	Đỗ Thị Hương	003260/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
096	Nguyễn Thị Vân	007259/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
097	Vũ Thị Yên	003247/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Mã khoa K18.11						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
098	Nguyễn Thị Lan Hương	000572/HP-CCHN	KB, CB CK Mắt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
099	Vũ Thùy Trang	010970/HP-CCHN	KB, CB CK Răng hàm mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
100	Phạm Văn Liệu	0012525/BYT-CCHN	KB, CB CK Răng hàm mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị	Người chịu TNCM PK CK RHM từ 17g30-20g	
101	Nguyễn Thị Lan Phương	012324/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
102	Nguyễn Thị Thu Hường	000329/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
103	Phạm Thị Ngân	005062/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
104	Phạm Mai Hương	005079/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
105	Hoàng Thị Dưỡng	005080/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
106	Nguyễn Minh Thắng	008314/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Bệnh nhiệt đới - Mã khoa K18.4						
107	Hoàng Sơn	000334/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
108	Nguyễn Thị Phương	008535/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
109	Bùi Văn Kiên	000287/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
110	Đỗ Thị Hảo	000885/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
111	Nguyễn Thị Mai	002682/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
112	Nguyễn Văn Thông	002709/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
113	Phạm Thị Nga	005518/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
114	Bùi Thị Thu Vân	005517/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
115	Đào Thị Phương Anh	005514/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
116	Nguyễn Thị Hà Thủy	005513/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
117	Nguyễn Thị Ngọc Phương	008292/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
118	Phạm Thị Dịu	008272/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
119	Phan Thị Dịu	001862/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
120	Lưu Thị Thúy Lan	001584/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
121	Phạm Thị Tẹo	002654/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
122	Lưu Đinh Cúc Phượng	008586/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
123	Nguyễn Hồng Nhung	010104/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Tiêu hóa - Mã khoa K18.3						
124	Đỗ Thị Quỳnh Mai	000093/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
125	Phạm Thị Trang	012309/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
126	Nguyễn Thị Hương	012304/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
127	Bàng Thị Hồng Liên	013187/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
128	Nguyễn Đức Thuận	000288/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
129	Đoàn Duy Thành	000923/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
130	Nguyễn Thị Kim Nhung	002650/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
131	Nguyễn Thị Thúy	008315/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
132	Cao Thị Minh	009470/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
133	Trần Thị Hạnh	009459/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
134	Phạm Khánh Huyền	010976/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
135	Bùi Thị Hà	008540/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
136	Mai Thị Thu Phương	002653/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
137	Vũ Thị Hương Lan	011393/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
138	Vũ Thị Minh Thùy	009476/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
139	Nguyễn Thị Hiền	008588/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
140	Phạm Thị Thương	005071/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
141	Vũ Thị Minh Hà	002892/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
142	Vũ Đình Phúc	001783/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
143	Trần Thị Hương Giang	002784/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Gây mê hồi sức - Mã khoa K18.8						
144	Nguyễn Thị Ngọc Hà	001382/HP-CCHN 997/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ KB, CB CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Quyền trưởng khoa		
145	Phạm Duy Thanh	002667/HP-CCHN 1339/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
146	Phan Thị Hoài Nam	006728/HP-CCHN	CK Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
147	Nguyễn Thị Hằng	012306/HP-CCHN; 3742/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; Chuyên khoa Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
148	Bùi Thị Dung	012310/HP-CCHN; 3803/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; Chuyên khoa Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
149	Phùng Thị Thu Hương	001383/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng/KTV GNHS		
150	Vũ Diệu Thúy	001883/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng/ KTV gây mê		
151	Nguyễn Thị Như Hoa	001880/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng/ KTV gây mê		
152	Phạm Thị Kim Liên	003265/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
153	Nguyễn Thị Liệu	006741/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
154	Đỗ Văn Tuyên	003498/HP-CCHN	Thực hiện kỹ thuật Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV Gây mê hồi sức		
155	Trần Thị Hoài Châu	003491/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
156	Vũ Thu Hương	006742/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
157	Nguyễn Việt Hoàng	006743/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
158	Đỗ Thị Hương	001885/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
159	Vũ Hoàng Thăng	009595/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
160	Bùi Thị Hường	008538/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
161	Nguyễn Thị Nhung	009441/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
162	Đào Thị Nguyên	009471/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc - Mã khoa K48K49						
163	Vũ Hữu Quyền	000060/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
164	Trần Văn Lân	006724/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
165	Vũ Hữu Hiệu	010967/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
166	Trịnh Huy Hải	012301/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
167	Nguyễn Thị Thùy Dương	013369/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
168	Nguyễn Đình Hiệu	000284/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
169	Trương Văn Minh	000305/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
170	Linh Văn Hiếu	000819/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
171	Đỗ Quang Trường	000286/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
172	Đàm Quốc Hùng	001913/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Bác sỹ		
173	Nguyễn Thị Ngân	000883/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
174	Vũ Thị Lan Anh	002634/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
175	Đinh Văn Bảo	2943/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
176	Nguyễn Hữu Khuê	002684/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
177	Nguyễn Thị Bích Thủy	001879/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
178	Nguyễn Thị Kim Dung	008269/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
179	Nguyễn Thị Huyền Trang	008280/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
180	Vũ Thị Oanh	005034/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
181	Trần Thị Hồng Vân	008279/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
182	Trần Thị Như Trang	008268/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
183	Trương Thị Nam	008290/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
184	Lê Thị Năm	008278/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
185	Vũ Thị Thà	008308/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
186	Đỗ Thị Huyền Trang	009443/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
187	Phạm Văn Ninh	009447/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
188	Trần Đức Quý	009446/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
189	Nguyễn Văn Quảng	009469/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
190	Đoàn Thị Khánh Linh	012144/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
191	Nguyễn Thị Thanh Vân	005793/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
192	Đinh Đức Cảnh	009468/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
193	Lã Thị Duyên	003274/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
194	Nguyễn Anh Thơ	009591/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
195	Vũ Thị Liên	007251/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
196	Đỗ Thị Thúy	002659/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
197	Ngô Thị Thu Hà	0026161/BYT-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
198	Nguyễn Thị Tươi	001031/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
199	Đỗ Thị Phương Mai	013429/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
200	Nguyễn Ngọc Tuyết	013426/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
201	Nguyễn Thị Thảo	006736/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
202	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	000858/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
203	Phạm Thị Hạnh	010202/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
204	Đỗ Mai Anh	001800/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	CĐ ĐD		
205	Lê Thùy Linh	001881/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
206	Nguyễn Thị Kim Oanh	002907/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
207	Đào Thị Hoa	006733/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
208	Vũ Văn Hiển	010318/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
209	Đặng Thị Thu	009453/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
210	Mai Thị Huyền Trang	008302/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
211	Lê Thị Thơ	000858/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
212	Đào Thị Ngân	005294/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
213	Trần Thị Minh An	009479/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
214	Nguyễn Thị Phương Linh	010727/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
215	Phạm Thị Dung	003268/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
216	Bùi Thu Thủy	005512/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
217	Phạm Thị Yến	007265/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Sơ sinh - Mã khoa K18.1						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
218	Vũ Đình Mai	007242/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
219	Vũ Thị Huyền	007244/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
220	Nguyễn Thị Hương	010457/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
221	Trần Thị Hoa	002641/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
222	Đinh Thị Tường Vi	035780/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
223	Nguyễn Thị Thu Hằng	002683/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
224	Nguyễn Thị Thắng	002629/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
225	Nguyễn Thị Thúy	005045/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
226	Nguyễn Thùy Dung	008312/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
227	Lương Thị Thảo	009589/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
228	Nguyễn Thị Thu Yến	009448/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
229	Phạm Vân Thanh	009586/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
230	Trần Thị Yến	005037/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
231	Vũ Thị Hương	005081/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
232	Mai Thị Thùy Nhung	009449/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
233	Trần Thị Lệ Quyên	005052/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
234	Phạm Mai Phương	009580/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
235	Bùi Đức Hữu	005795/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Điều trị tự nguyện A - Mã khoa K18.13						
236	Vũ Duy Hưng	001098/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
237	Ngô Thanh Huynh	000840/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
238	Nguyễn Thị Xuân	010969/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
239	Đặng Thị Thuyết	000832/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
240	Trần Minh Hạnh	001495/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
241	Nguyễn Phương Chi	002637/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
242	Trần Thị Uyển	001096/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
243	Dương Thị Thủy	007249/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
244	Vũ Thị Ngát	008641/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
245	Phạm Thị Xanh	009422/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
246	Nguyễn Thị Như Quỳnh	000260/HD-CCHN	Thực hiện việc tiêm (chích), thay băng theo đơn của bác sỹ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
247	Phạm Thị Xiêm	007253/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
248	Nguyễn Thị Thanh Hoa	003248/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
249	Đỗ Thị Hương	005040/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
250	Đào Thị Hà	008288/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
251	Phạm Thị Thu Hiền	009598/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
252	Mai Thị Thu Thúy	009596/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
253	Hoàng Thị Yến	005519/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
254	Đỗ Thị Hiền	012312/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
255	Triệu Thị Thùy Dung	002690/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
	Khoa Điều trị tự nguyện B - Mã khoa K18.14						
256	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	001097/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
257	Bùi Mẫn Nguyên	006725/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
258	Nguyễn Thị Ngọc Yến	000041/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng phòng		
259	Bùi Thị Thu Hiền	007971/HNO-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
260	Vũ Thị Phương	000484/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
261	Lài Thị Thùy	013003/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
262	Vũ Văn Việt	013053/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
263	Phạm Thị Mỹ Duyên	002644/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
264	Vi Thị Mỹ Duyên	002638/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
265	Nguyễn Thị Ngọc Mai	002643/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
266	Nguyễn Thị Thùy Dương	000263/VP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
267	Nguyễn Thị Hoài Thương	002705/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
268	Nguyễn Thị Kim Dung	003254/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
269	Nguyễn Thị Mai	007256/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
270	Phạm Thị Lệ	007248/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
271	Từ Thị Thùy Dương	007247/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
272	Phùng Thị Hạnh	007252/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
273	Đỗ Thị Lan	007255/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
274	Vũ Thị Ngọc	009590/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
275	Vũ Thị Ngọc Lan	009585/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
276	Phạm Thị Non	009437/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
277	Mai Thị Nghĩa	009592/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
278	Nguyễn Thị Kim Phượng	003246/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
279	Bùi Thị Thu Hiền	007246/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
280	Nguyễn Thị Đằm	0001192/QNI-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
281	Nguyễn Thị Như	009464/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
282	Nguyễn Thị Nhung	003076/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
283	Trần Thị Thu Hiền	009425/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
284	Đào Thị Thanh	000582/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Đơn nguyên Quốc Tế						
285	Nguyễn Bùi Bình	005068/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
286	Đào Nguyên Ngọc	009954/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
287	Phạm Đức Toàn	009838/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
288	Phương Thị Bích Hồng	010189/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
289	Nguyễn Thành Công	000285/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
290	Trịnh Thị Giang	000485/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
291	Đào Thị Huyền	000283/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
292	Trần Thị Minh	000820/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
293	Lê Anh Duy	000818/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
294	Nguyễn Thị Hải Linh	000924/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
295	Nguyễn Lệ Quyên	000828/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
296	Vũ Thị Như Thảo	001910/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
297	Trương Thị Thảo	002666/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
298	Trần Thị Thùy Dung	008313/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
299	Nguyễn Thị Hồng Duyên	008304/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
300	Vũ Thị Sim	009424/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
301	Đinh Thị Nhung	008301/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
302	Nguyễn Thị Ngọc Lan	006734/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
303	Đào Thị Ngoan	006735/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
304	Nguyễn Thị Hải Vân	011287/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
305	Đoàn Thị Hằng	008311/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
306	Ngô Thị Phượng	012633/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
307	Đinh Thị Thu Hòa	003764/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
308	Đỗ Thị Thúy Hằng	001882/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
309	Lê Thị Mai	002637/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
310	Phạm Thị Hương Lan	009466/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
311	Phạm Thị Thanh Hoa	002656/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
312	Vũ Thị Thu Giang	007254/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
313	Nguyễn Thị Thoa	009587/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
314	Phạm Thị Thanh Hương	003250/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
315	Đào Thị Hồng	010848/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
316	Đỗ Thị Hạnh	009436/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
317	Nguyễn Thị Thúy	009473/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
318	Nguyễn Thị Mai Anh	002671/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
319	Trần Thị Hoàng Nhung	005035/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
320	Nguyễn Thị Hải Mỹ	003244/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
321	Nguyễn Thị Thùy Chi	002625/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
322	Bùi Thị Quyên	005044/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng phòng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
323	Đào Thị Minh Phương	000892/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng khối		
324	Bùi Thị Hoa	006750/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng phòng		
325	Vũ Hoài Thu	009451/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Nội tổng hợp - Mã khoa K18.10						
326	Hoàng Thị Vân	008266/HP-CCHN 386/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; KB, CB CK Ung thư	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
327	Vũ Thị Thảo	010459/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
328	Trịnh Thị Thanh Hương	012311/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
329	Nguyễn Thị Phương Anh	012308/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
330	Hoàng Việt Hưng	000304/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
331	Nguyễn Thị Ánh	000886/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
332	Đặng Ngọc Anh	002696/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
333	Nguyễn Thị Hương Liễu	002651/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
334	Phạm Thúy Nga	005077/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
335	Ngô Văn Thắng	008286/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
336	Nguyễn Thị Nết	000373/TB-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
337	Trịnh Thị Huyền	008285/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
338	Vũ Thị Hoa	008300/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
339	Nguyễn Thị Thảo	008282/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
340	Hoàng Thị Diễm	008283/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
341	Bùi Thị Hường	005910/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
342	Nguyễn Thị Mỳ	009450/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
343	Mạc Thị Ngọc Hà	010729/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
344	Hoàng Thị Huyền Trang	006378/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
345	Vũ Thị Huyền Trang	000132/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
346	Lê Thị Hồng Nhung	008589/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa thần kinh - Tâm bệnh - Mã khoa K18.12						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
347	Nguyễn Bích Vân	000774/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
348	Đào Thị Hằng	002627/HP-CCHN 774/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK Phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
349	Phương Đức Huy	010460/HP-CCHN 810/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK thần kinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
350	Nguyễn Thị Vinh	012302/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
351	Bùi Phương Thảo	000303/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
352	Bùi Thị Hoa	001494/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
353	Phạm Thị Thu Hà	005030/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
354	Nguyễn Thị Xuyên	002618/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
355	Nguyễn Thị Phương Anh	008306/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
356	Nguyễn Thị Thu Hương	008310/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
357	Phạm Thị Đào Anh	008281/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
358	Phạm Văn Dũng	009475/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
359	Đỗ Thị Khánh Ly	009418/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
360	Hoàng Thị Thanh Hoa	007163/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
361	Nguyễn Thị Chinh	009452/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
362	Hoàng Thị Nhàn	009462/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
363	Bùi Thị Thương	008274/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
364	Phạm Minh Đức	009474/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
365	Nguyễn Thị Huyền	009426/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
366	Trần Thị Bích Vân	001772/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	CĐ ĐD		
	Khoa Y học cổ truyền - Mã khoa K18.15						
367	Vũ Văn Điều	001549/HP-CCHN	KB, CB bằng YHCT/Chuyên khoa phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Quyền trưởng khoa		
368	Đỗ Thị Lan	002536/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
369	Trần Văn Ca	009167/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa/Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
370	Lê Thị Lan Hương	000255/HP-GPHN	Y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
371	Vũ Thị Thu Hằng	002694/HP-GPHN	Y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
372	Nguyễn Thị Thùy Dương	005046/HP-CCHN 1343/QĐ-SYT	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005; Thực hiện kỹ thuật châm cứu, điện châm, xoa bóp, bấm huyệt theo chỉ định của bác sỹ YHCT	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
373	Ngô Thị Mai Trang	008284/HP-CCHN 1344/QĐ-SYT	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005; Thực hiện kỹ thuật về YHCT theo chỉ định của bác sỹ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Y sỹ/Điều dưỡng		
374	Trần Minh Hiếu	006997/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
375	Lê Thị Thanh Huyền	006498/HP-CCHN	KTV Phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV PHCN		
376	Bùi Ngọc Diệp	009477/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
377	Phùng Thu Hường	004982/HP-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV PHCN		
378	Đào Thị Phương	006737/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
379	Nguyễn Thị Thu Thủy	003276/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
380	Nguyễn Tố Loan	002644/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Khám bệnh - Mã khoa K01						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
381	Phó Nhật Tân	001314/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
382	Đinh Thị Phượng	003279/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
383	Nguyễn Công Minh	013185/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
384	Hồ Công Đồng	000379/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
385	Lê Thị Minh Luyến	001512/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng phòng		
386	Nguyễn Thị Hạnh	001317/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
387	Trương Thị Phương	003273/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
388	Phạm Thị Miến	003243/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
389	Lê Thị Lan Anh	003278/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
390	Dương Thị Quyên	008316/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
391	Đỗ Thị Nhung	003272/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
392	Nguyễn Thị Thắm	006748/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
393	Bùi Thị Thúy	006996/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
394	Vũ Thị Oanh	005057/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
395	Đỗ Thị Hà Thu	009434/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Khám bệnh yêu cầu - Mã khoa K01.1						
396	Phạm Thị Hương	002672/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
397	Nguyễn Thị Thúy	006727/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
398	Đỗ Thị Hồng Hạnh	001736/HP-CCHN 256/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; CK Huyết học Truyền máu	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
399	Bùi Thị My	013184/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
400	Lê Thị Ái Linh	010965/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	BS điều trị		
401	Nguyễn Thị Thanh Loan	001886/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
402	Đỗ Thị Bích Liên	002658/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
403	Đồng Thị Thu Huyền	002665/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
404	Nguyễn Thị Thoa	002657/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
405	Đặng Thị Nhàn	002630/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
406	Nguyễn Thị Ánh Hồng	009483/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
407	Đoàn Thị Thủy	009423/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
408	Trần Thanh Huyền	009456/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
409	Nguyễn Thị Thúy	009444/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
410	Lê Thị Thúy Hiền	001789/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
411	Nguyễn Thị Hương	008587/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
412	Lê Thị Thùy Linh	007250/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
413	Ngô Thị Bích Phương	0002140/BN-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
414	Đỗ Thị Mai Liên	006739/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
415	Ngô Thị Huyền Mai	006745/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
416	Đặng Thị Dung	010726/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
417	Khổng Thị Trang	001032/HP-GPHN	Y học dự phòng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
418	Cao Thị Như Quyên	003837/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
419	Nguyễn Thị Quế	005064/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
420	Nguyễn Thị Nga	008294/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
421	Đào Thị Thanh Thảo	000859/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 7 ngày/tuần (từ thứ 2 đến chủ nhật); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Hóa sinh - Mã khoa K37						
422	Nguyễn Văn Đức	007241/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
423	Lương Tiến Thuận	0016806/BYT-CCHN 1352/QĐ-SYT	KB, CB CK Ngoại/ CK Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
424	Nguyễn Thị Kim Liên	005051/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV XN		
425	Phạm Thị Chăm	002805/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV Trưởng		
426	Phạm Thị Dung	007268/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Xét nghiệm y học cao đẳng		
427	Bùi Thị Giang	007267/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Xét nghiệm y học đại học		
428	Vũ Phương Thảo	002621/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
429	Nguyễn Thị Thu Hường	002615/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
430	Nguyễn Thị Phương Anh	002445/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
431	Phạm Bạch Dương	012767/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
432	Nguyễn Tấn Dũng	000857/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
433	Lê Thị Thu Hiền	001814/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
	Khoa Huyết học - Mã khoa K36						
434	Vũ Thị Nhàn	002660/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
435	Lê Thị Hạnh Linh	001747/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Bác sỹ		
436	Tô Thị Huệ	002626/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV Trưởng		
437	Trương Thị Hồng Nhung	002227/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
438	Đoàn Thị Hương	003257/HP-CCHN	Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm cao đẳng		
439	Lê Phương Thảo	002156/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
440	Phạm Thị Yến	008317/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
441	Vũ Trọng Trình	002512/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm cao đẳng		
442	Phạm Thị Hậu	002593/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
443	Nguyễn Thị Phương Thảo	011421/HP-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
444	Dương Thị Diễm Hương	000320/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
445	Ngô Thị Chi	002268/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
446	Phạm Phương Loan	001790/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
447	Ngô Thị Nga	001355/BN-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
	Khoa Vi sinh - Mã khoa K38						
448	Đỗ Thị Tuyết	001384/HP-CCHN 2661/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ Chuyên khoa xét nghiệm vi sinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
449	Nguyễn Thị Vân	009484/HP-CCHN 265/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ Chuyên khoa xét nghiệm vi sinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
450	Đỗ Thị Hảo	002620/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV XN		
451	Phạm Thị Hiền	003255/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV XN		
452	Hà Thị Mai Thanh	002285/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm y học cao đẳng		
453	Nguyễn Thị Nhiên	008318/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm (Vi sinh)	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV Trưởng		
454	Đào Thị Lan	001829/HP-CCHN	Thực hiện KTCM xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV XN		
455	Nguyễn Thị Thảo	012094/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân Xét nghiệm y học		
456	Lê Thị Chiên	002614/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV XN		
457	Đào Thị Hạnh	000918/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
458	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	000943/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
459	Đinh Hải Hà	001892/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
	Khoa giải phẫu bệnh - Mã khoa K42						
460	Phạm Kỳ Anh	008219/HP-CCHN	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
461	Nguyễn Thị Tuyết	005038/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV Trưởng		
462	Hoàng Thị Lan Anh	005043/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV XN		
463	Nguyễn Thị Ngân	009666/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV XN		
464	Lương Sơn Tùng	002408/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Kỹ thuật viên xét nghiệm cao đẳng		
	Khoa chẩn đoán hình ảnh - Mã khoa K39						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
465	Nguyễn Thị Tuyết Nga	003075/HP-CCHN 1353/QĐ-SYT	KB, CB Nội tổng hợp; KB, CB CK chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
466	Lương Văn Duy	009955/HP-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
467	Nguyễn Đức Vượng	000292/HP-GPHN; QĐ 2687/QĐ-SYT	Chuyên khoa nội khoa; Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Bác sỹ		
468	Chu Thị Thảo	013007/HP-CCHN; 2688/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Bác sỹ		
469	Nguyễn Thế Hữu	002638/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CĐHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
470	Đào Anh Hoàng	002643/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CĐHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV trưởng		
471	Nguyễn Hoàng Trường	008319/HP-CCHN	KTV CĐHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
472	Vũ Văn Trọng	005039/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
473	Vũ Văn Tiến	002645/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CĐHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
474	Vũ Quang Thành	007270/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
475	Nguyễn Văn Tuyến	005078/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
476	Nguyễn Văn Thư	004909/HP-CCHN	KTV CĐHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
477	Nguyễn Duy Thanh	009609/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
478	Nguyễn Hoàng Phú	007591/HD-CCHN 134/QĐ-SYT	Thực hiện kỹ thuật Xquang KTV chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
479	Nguyễn Anh Quốc	007219/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CĐHA		
	Giáo viên Bộ môn Nhi trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng						
480	Chu Thị Hà	005067/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Sơ sinh
481	Nguyễn Việt Hà	009583/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Thần kinh - Tâm bệnh

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
482	Nguyễn Ngọc Sáng	0022764/BYT-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Nội tổng hợp
483	Đặng Văn Chức	001429/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Quốc tế
484	Phạm Thị Ngọc	005066/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tiêu hóa
485	Vũ Thị Ánh Hồng	009655/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Bệnh nhiệt đới
486	Đinh Dương Tùng Anh	007331/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Hô hấp
487	Nguyễn Thị Thúy Hường	012305/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Hô hấp
488	Phạm Thị Quỳnh Vân	010367/TB-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tự nguyện A
489	Đoàn Thị Linh	013199/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tim mạch - Lồng ngực

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
490	Nguyễn Văn Trung	000142/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa HSTC&CĐ
491	Phạm Minh Thảo	037659/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt
492	Lê Thị Thùy Ly	038905/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt
493	Phạm Thị Thanh Hà	000697/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tự nguyện A
494	Phan Thị Thanh Giang	030397/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt
495	Đỗ Thúy Hằng	001644/HP-GPHN	Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt
496	Hoàng Thị Thảo	000948/BG-GPHN	Chuyên khoa Nhi	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Bệnh nhiệt đới
497	Triệu Ngọc Thảo	001032/PT-GPHN	Bác sỹ Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tim mạch - Lồng ngực

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
498	Phạm Văn Kiên	001922/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa HSTC&CĐ
499	Lê Thị Huyền Trang	001994/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Nội tổng hợp
500	Trần Hồng Hạnh	0027721/BYT-CCHN	Khám bệnh, chưa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tai Mũi Họng
501	Nguyễn Thị Như Quỳnh	002270/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tự nguyện A
502	Nguyễn Thị Hiền	002116/HP-GPHN	Y học cổ truyền	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng

- Số người có CCHN: ***502***

Trong đó: BS: 178 (kể cả 23 GVNT)

ĐD: 273

KTV: 51 (có cả KTV GM HS)

Tính đến 22/10/2026

Hải Phòng, ngày 22 tháng 10 năm 2026

Đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN NHI HẢI PHÒNG

Q. GIÁM ĐỐC

BSCKII. Trần Minh Cảnh